

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 132/2024/HNGĐ-ST

Ngày 24 - 12 - 2024

"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Như Toàn

Bà Trần Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 251/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Lan A, sinh năm 1991

Nơi thường trú: tổ D, khu D, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh

Nơi tạm trú: P15-C1 Tập thể Bệnh viện G, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội

Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Trần Ngọc Q, sinh năm 1991

Nơi cư trú: tổ D, khu D, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh

Nơi ở hiện tại: tổ A, khu G, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh

Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Bùi Thị Lan A trình bày:

Chị và anh Trần Ngọc Q đăng ký kết hôn ngày 11/5/2012 tại UBND phường Y (nay là phường T), thành phố H, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung

dẫn đến thường xuyên xảy ra xung khắc, bất hòa, cuộc sống không hạnh phúc. Mặc dù anh chị đã tìm cách khắc phục và được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Từ tháng 8/2019 đến nay anh chị sống ly thân không ai quan tâm đến ai.

Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung đã không tồn tại từ lâu nên chị Lan A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Ngọc Q.

Về con chung: quá trình chung sống chị và anh Trần Ngọc Q có 02 con chung là Trần Bảo M, sinh ngày 21/6/2012 và Trần Bảo U, sinh ngày 03/01/2016. Chị Lan A đề nghị giao cả hai con chung cho anh Q nuôi dưỡng đến khi thành niên, chị Lan A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: chị và anh Trần Ngọc Q không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị và anh Trần Ngọc Q không có nợ chung với cơ quan, tổ chức, cá nhân nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Ngọc Q vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên trong quá trình chuẩn bị xét xử, anh Q đã có bản tự khai thể hiện quan điểm:

Anh Q xác nhận về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như chị Lan A đã trình bày là đúng. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lan A về việc ly hôn, anh Q cũng đồng ý ly hôn với chị Lan A, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: anh và chị Lan A có 02 con chung là Trần Bảo M, sinh ngày 21/6/2012 và Trần Bảo U, sinh ngày 03/01/2016. Anh Q đồng ý nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi thành niên và đồng ý chị Lan A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: anh và chị Bùi Thị Lan A không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh và chị Bùi Thị Lan A không có nợ chung với cơ quan, tổ chức, cá nhân nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc, anh Trần Ngọc Q không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị Lan A nên anh đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Ngọc Q theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 02/12/2024 Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh Trần Ngọc Q và được bà Trịnh Thị T là mẹ đẻ của anh Trần Ngọc Q cung cấp thông tin (có xác nhận của khu phố và chính quyền địa phương): sau khi kết hôn chị Bùi Thị Lan A và anh Trần Ngọc Q sống cùng với bố mẹ anh Q tại tổ D, khu D, phường C, thành phố H. Quá trình chung sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn từ năm 2019 do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ tháng 8/2019 chị

Lan A đã chuyển ra ngoài sống, còn anh Q và các con sống cùng bố mẹ đẻ tại tổ A, khu G, phường C, thành phố H.

Tòa án cũng đã tiến hành hỏi ý kiến của cháu Trần Bảo M và Trần Bảo U là con chung của chị Lan A và anh Q thì nếu bố mẹ ly hôn, hai cháu đều có nguyện vọng muốn được ở cùng với bố.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát có quan điểm việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đã được thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị Lan A; chị Bùi Thị Lan A được ly hôn anh Trần Ngọc Q.

Về con chung: giao con chung Trần Bảo M, sinh ngày 21/6/2012 và Trần Bảo U, sinh ngày 03/01/2016 cho anh Trần Ngọc Q nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị Bùi Thị Lan A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 5.000.000 đồng/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn – chị Bùi Thị Lan A khởi kiện về việc ly hôn đối với bị đơn – anh Trần Ngọc Q có nơi đăng ký thường trú tại tổ D, khu D, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên việc Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã được thực hiện quyền, nghĩa vụ, được nhận, thực hiện các thủ tục tố tụng và không có ý kiến gì khác. Cả nguyên đơn và bị đơn đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn không ảnh hưởng đến tính khách quan khi giải quyết vụ án, đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 và các quy định khác có liên quan của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Như vậy về thẩm quyền giải quyết vụ án và trình tự tố tụng, được đảm bảo và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Thị Lan A và anh Trần Ngọc Q kết hôn với nhau là hoàn toàn tự do, tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn ngày 11/5/2012 tại UBND phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, do đó quan hệ hôn nhân của chị

Lan A và anh Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Bùi Thị Lan A thì thấy:

Mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị Lan A và anh Q đã phát sinh từ lâu, nguyên nhân là do cuộc sống không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh chị cũng đã tìm cách khắc phục và được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Từ tháng 8/2019 đến nay chị Lan A và anh Q sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến nay chị Lan A thừa nhận tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung không tồn tại từ lâu, nên chị Lan A đã từ chối hòa giải và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q

Đối với bị đơn – anh Trần Ngọc Q cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị Lan A.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tiến hành xác minh và được gia đình anh Q cũng đã xác nhận việc chị Lan A và anh Q có xảy ra mâu thuẫn cũng như thời gian anh chị sống ly thân.

Căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, thì tình trạng hôn nhân giữa chị Lan A và anh Q là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn anh Q của chị Lan A là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về con chung:

Chị Bùi Thị Lan A và anh Trần Ngọc Q có 02 con chung là Trần Bảo M, sinh ngày 21/6/2012 và Trần Bảo U, sinh ngày 03/01/2016. Chị Lan A đề nghị giao cả hai con chung cho anh Q nuôi dưỡng đến khi thành niên và chị Lan A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 5.000.000 đồng/tháng. Xét yêu cầu này của chị Lan A thì thấy: hiện tại chị Lan A đang đi làm xa, từ khi chị Lan A và anh Q sống ly thân thì các con chung sống cùng với anh Q và bố mẹ anh Q tại tổ A, khu G, phường C, thành phố H. Anh Q cũng đồng ý nhận nuôi dưỡng cả hai con chung khi ly hôn. Cháu Trần Bảo M và Trần Bảo U đều có nguyện vọng muốn được ở cùng với bố khi bố mẹ ly hôn. Do đó việc giao con chung cho anh Q nuôi dưỡng sẽ đảm bảo sự chăm sóc, phát triển của con chung cũng như sự ổn định trong cuộc sống và học tập của các cháu. Căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, thì yêu cầu của chị Lan A là có căn cứ để xem xét chấp nhận.

[4] Về tài sản chung:

Chị Bùi Thị Lan A và anh Trần Ngọc Q không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về nợ chung:

Chị Bùi Thị Lan A và anh Trần Ngọc Q xác nhận vợ chồng không có nợ chung với cơ quan, tổ chức, cá nhân nào nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về án phí: chị Bùi Thị Lan A phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị Lan A; chị Bùi Thị Lan A được ly hôn anh Trần Ngọc Q.

Về con chung: Anh Trần Ngọc Q tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Trần Bảo M, sinh ngày 21/6/2012 và Trần Bảo U, sinh ngày 03/01/2016 đến tuổi thành niên. Chị Bùi Thị Lan A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng, thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/12/2024) đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) Chị Lan A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: chị Bùi Thị Lan A và anh Trần Ngọc Q không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị Bùi Thị Lan A và anh Trần Ngọc Q không vay nợ chung với cơ quan, tổ chức cũng như cá nhân nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị Bùi Thị Lan A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 28/10/2024 theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001296 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Chị Lan A còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho nguyên đơn và bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND phường T, TP H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thu Hương